

Số: 349/QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung nội dung, đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày
16/11/2017
của Sở Y tế Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1717/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ các Quyết định của Sở y tế Hải Phòng số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 249/QĐ-SYT ngày 22/02/2018 về việc đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017.

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm thuốc cho ngành Y tế Hải Phòng năm 2017 – 2019 và Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Biên bản làm việc ngày 15/3/2018 về việc bổ sung nội dung, đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung nội dung, đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

Bổ sung nội dung: “Hợp đồng giữa cơ sở y tế với các nhà thầu được lựa chọn cung cấp thuốc Generic năm 2017-2019 được lập tối đa không quá 12 tháng, tổng thời gian thực hiện của các hợp đồng không quá 24 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu”.

Đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nội dung đính chính chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

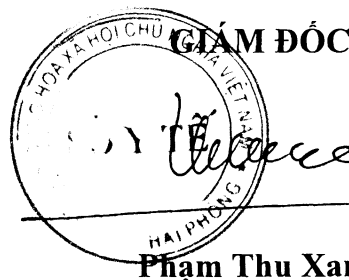
Điều 2: Các nội dung khác của Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng, ban Văn phòng Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng, Thủ trưởng các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Như điều 3;
- Website Sở Y tế HP;
- BHXH Hải Phòng;
- Kho bạc NN Hải Phòng;
- Lưu: VT.



Đính chính kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm Quyết định số 349/QĐ-SYT ngày 20/3/2018 của Sở Y tế Hải Phòng)

Danh sách các thuốc rút khỏi danh mục thuốc trúng thầu:

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0264	Fefasdin 120	Fexofenadi n HCL	120mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD- 22476-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	785,00 0	3	515	404,275,000.00
2	G1186	Loperamid	Loperamid HCl	2mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang, uống	36 tháng	VD- 16391-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	4,500	3	125	562,500.00

2. Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0975	SYNDOPA 275	Levodopa + carbidopa anhydrous	250mg +25mg	Hộp 5 vi x 10 viên-Viên nén-Uống	48 tháng	VN- 13392-11	Sun Pharmaceutical Industries Ltd- India	Viên	373,00 0	5	3,270	1,219,710,000. 00
2	G1065	HEMAPO 3000UI	Erythropoi etin	3000UI	Hộp lớn chứa 10 Hộp nhỏ 1 Syringe-Dung dịch tiêm- Tiêm	36 tháng	QLSP- 0780-14	Shandong Kexing Bioproducts Co., Ltd-China	Bơm tiêm	20,000	5	225,000	4,500,000,000. 00

2

3	G1207	SUNPROL OMET 50	Metoprolol succinate	50mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên-Viên nén hai lớp, bao phim phóng thích kéo dài- Uống	24 tháng	VN-9390- 09	Sun Pharmaceutical Industries Ltd- India	Viên	774,60 0	4	3,100	2,401,260,000. 00
---	-------	--------------------	-------------------------	------	--	-------------	----------------	---	------	-------------	---	-------	----------------------

3. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0073	Savi Etoricoxib 30	Etoricoxib	30mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD- 25268-16	SaViPharm - Việt Nam	Viên	131,00 0	Nhóm 2	4,000	524,000,000.00

4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G1277	Dopamin Hydrochlori de 40mg/ml	Dopamin (hydroclori d)	40mg/1 ml - 5ml	Hộp 10 vỉ x 10 ống, dung dịch pha loãng để truyền tĩnh mạch	48	VN- 15124-12	Rotex - Đức	Ống	10,040	1	19,950	200,298,000.00
2	G1982	Methyl Ergometrine Maleate Injection 0,2mg	Methyl ergometrin (maleat)	0,2mg/ 1ml	Hộp 1 vỉ x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	48	145/QLD- KD	Rotex - Đức	Ống	28,833	1	14,417	415,685,361.00

Handwritten signature

5. Công ty Cổ phần dược phẩm Vinacare:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0166	Skdol Baby Fort 250/2mg	Acetamino phen + Clophenira min	250mg + 2mg	Hộp 20 Gói x 2,5g thuốc bột, Uống	36 tháng	VD- 14973-11	Công ty CP DP Phương Đông - Việt Nam	Gói	811,04 7	3	1,750	1,419,332,250. 00

6. Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0660	Clindacine 600	Clindamyc in	600mg/ 4ml	Hộp 5 ống x 4ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD- 18004-12	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Ống	2,100	3	31,500	66,150,000.00
2	G0658	Clindacine 300	Clindamyc in	300mg/ 2ml	Hộp 5 ống x 2ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD- 18003-12	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Ống	2,000	3	16,850	33,700,000.00
3	G2301	Vitamin B12	Vitamin B12	500 mcg/1 ml	Hộp 100 ống x 1ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD- 25835-16	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Ống	300,78 1	3	525	157,910,025.00

7. Công ty Cổ phần Dược phẩm Vipharco:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0866	Capoluck	Calcium folinat	Acid folinic 50mg/5 ml	Hộp 05 ống x 5ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-13540 -10	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương - Việt Nam	Ống	50	3	40,000	2,000,000.00

8. Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G1101	ATP	Adenosin triphosphat	20mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim tan trong ruột, uống	36 tháng	VD- 27208-17	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex Việt Nam	Viên	13,000	3	389	5,057,000.00

9. Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Việt:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G1736	Genpharmas on	Betamethas on dipropionat; Clotrimazol ; Gentamycin	(0,64 mg; 10mg; 1mg)/ 1g	Hộp 1 tuýp x 20g, kem, dùng ngoài da	24 tháng	VD- 16741-12	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco, Việt Nam	tuýp	70,792	3	7,000	495,544,000.00

10. Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương:

2/2

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G2352	Ckdcandem ore Plus Tab. 16/12.5Mg	Candesarta n Cilexetil + Hydrochlo rothiazide	16 mg + 12,5 mg	Lọ 30 viên, viên nén, uống	36	VN- 18626-15	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp. - Hàn Quốc	Viên	265,00 0	2	5,500	1,457,500,000. 00
2	G2009	Nesulix	Amisulprid	200mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nén, uống	36	VD- 21204-14	Danapha - Việt Nam	viên	600	3	7,350	4,410,000.00

11. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm U.N.I Việt Nam:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G0184	Pimoint	Piroxicam	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên; Viên nén; uống	48 tháng	VN- 16214-13	S.C.Arena Group S.A.- Rumania	Viên	107,70 0	1	5,200	560,040,000.00

12. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 120 Armephenco:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G2364	Fabonxyl	Piracetam + Cinnarizin	400 mg 25 mg	Hộp 6, 10 vi x 10 viên Viên nang cứng Uống	36 tháng	VD- 19797-13	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	758,00 0	3	273	206,934,000.00

22